



Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 3300101124 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3300101124 ngày 28 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quang Hội	Chủ tịch
Ông Takahashi Yukio	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Tạo	Thành viên
Ông Go Fujiyama	Thành viên (từ ngày 22 tháng 2 năm 2017)
Ông Đinh Nhật Tân	Thành viên (đến ngày 21 tháng 2 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Thành	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Giang	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Hồ Minh Quốc	Trưởng ban kiểm soát (từ ngày 22 tháng 4 năm 2017)
Bà Ngô Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban kiểm soát (đến ngày 21 tháng 4 năm 2017)
Bà Đào Thị Chinh	Thành viên
Ông Yukiaki Hayashi	Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2017)
Bà Đặng Thị Hoa	Thành viên (đến ngày 21 tháng 4 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Số 2, Nguyễn Công Trứ
Thành phố Huế
Tỉnh Thừa Thiên Huế
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Thành
Tổng Giám đốc

Tỉnh Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận soát xét loại trừ

Các khoản dự phòng đầu tư tài chính

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.404.093.232 VND. Công ty đã không thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót nêu trên mà ghi nhận toàn bộ các khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Chúng tôi đưa ra kết luận ngoại trừ cho báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 do ảnh hưởng của sự so sánh tương ứng giữa số liệu kỳ hiện hành với số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Thu nhập cổ tức từ công ty liên doanh

Công ty đã thực hiện ghi nhận trước thu nhập cổ tức từ Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế - một công ty liên doanh với số tiền là 3.400.000.000 VND vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 nhưng khoản cổ tức này được phê duyệt vào ngày 11 tháng 1 năm 2016. Do đó, thu nhập từ cổ tức được chia phải được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Công ty đã không thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót nêu trên. Chúng tôi đưa ra kết luận ngoại trừ cho báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 do ảnh hưởng của sự so sánh tương ứng giữa số liệu kỳ hiện hành với số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



Kết luận soát xét loại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận soát xét loại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-01-499



Lâm Thị Ngọc Hào
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140)	100		175.330.051.831	195.878.838.319
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	142.210.576.817	137.388.676.839
Tiền	111		141.184.455.717	136.385.010.172
Các khoản tương đương tiền	112		1.026.121.100	1.003.666.667
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.611.011.389	57.929.695.227
Phải thu khách hàng	131	8	2.186.473.880	1.592.478.232
Trả trước cho người bán	132		617.740.000	30.000.000
Khoản cho vay phải thu	135	9	15.000.000.000	46.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	15.570.176.217	11.070.595.703
Dự phòng phải thu khó đòi	137	11	(763.378.708)	(763.378.708)
Hàng tồn kho	140	12	508.463.625	560.466.253
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		179.821.949.356	164.265.797.677
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.948.817.680	4.948.817.680
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	4.948.817.680	4.948.817.680
Tài sản cố định	220		32.628.642.219	34.381.389.589
Tài sản cố định hữu hình	221	13	31.605.134.027	33.354.684.676
Nguyên giá	222		79.334.283.901	79.089.376.628
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.729.149.874)	(45.734.691.952)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.023.508.192	1.026.704.913
Nguyên giá	228		1.308.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(284.829.808)	(281.633.087)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.149.776.919	2.332.381.063
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	5.149.776.919	2.332.381.063
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	125.238.269.086	108.321.551.556
Đầu tư vào các công ty con	251		28.275.211.488	28.275.211.488
Đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết	252		109.118.173.722	91.957.055.622
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.155.116.124)	(14.910.715.554)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn khác	260		11.856.443.452	14.281.657.789
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	11.856.443.452	14.281.657.789
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		355.152.001.187	360.144.635.996
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		135.689.297.873	138.331.582.462
Nợ ngắn hạn	310		135.689.297.873	138.331.582.462
Phải trả người bán	311	18	964.422.745	1.383.892.622
Người mua trả tiền trước	312		144.171.784	86.946.760
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	215.403.009	224.376.476
Phải trả người lao động	314		1.009.625.731	2.163.956.918
Phải trả khác	319	20	133.169.802.288	134.472.409.686
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		185.872.316	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		219.462.703.314	221.813.053.534
Vốn chủ sở hữu	410	21	219.462.703.314	221.813.053.534
Vốn cổ phần	411	22	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	47.223.517.700	47.223.517.700
Lỗi lũy kế	421		(27.760.814.386)	(25.410.464.166)
- Lỗi chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(25.410.464.166)	(11.404.415.192)
- Lỗi kỳ này/năm trước	421b		(2.350.350.220)	(14.006.048.974)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		355.152.001.187	360.144.635.996

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Quốc Thành
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	21.989.723.668	26.132.210.225
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	16.719.352.604	22.094.744.703
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		5.270.371.064	4.037.465.522
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.572.973.670	2.396.847.038
Chi phí tài chính	22	27	253.442.596	7.655.277.796
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	198.215.616
Chi phí bán hàng	25		923.536.687	196.747.969
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	8.948.413.961	8.662.105.739
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 25 - 26)	30		(3.282.048.510)	(10.079.818.944)
Thu nhập khác	31		982.185.790	15.088.105
Chi phí khác	32		50.487.500	98.742.352
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		931.698.290	(83.654.247)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.350.350.220)	(10.163.473.191)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	-
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2.350.350.220)	(10.163.473.191)

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:


 Ngô Đức Chính
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Quốc Thành
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ kế toán trước thuế	01	(2.350.350.220)	(10.163.473.191)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.997.654.643	2.282.337.257
Các khoản dự phòng	03	244.400.570	7.535.145.902
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(13.978.926)	52.446.458
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.558.994.744)	(2.340.994.556)
Chi phí lãi vay	06	-	198.215.616
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(1.681.268.677)	(2.436.322.514)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(4.430.816.162)	(2.016.629.683)
Biến động hàng tồn kho	10	52.002.628	113.720.447
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(2.642.284.589)	(3.767.739.869)
Biến động chi phí trả trước	12	2.425.214.337	3.549.452.128
		(6.277.152.463)	(4.557.519.491)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(198.215.616)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(647.726.753)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(325.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(6.277.152.463)	(5.728.461.860)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(5.223.421.229)	(349.540.896)	
Tiền chi cho vay	23	-	(33.000.000.000)	
Tiền thu hồi khoản cho vay	24	31.000.000.000	-	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	6	(15.000.000.000)	(1.064.076.154)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	308.494.744	9.485.729.023	
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	11.085.073.515	(24.927.888.027)	

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH


Tiền thu từ đi vay	33	-	6.800.000.000
Tiền thu để chi hộ từ công ty mẹ	33	-	158.423.559.521
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	-	165.223.559.521
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.807.921.052	134.567.209.634
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	137.388.676.839	28.695.296.386
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	13.978.926	(52.446.458)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	142.210.576.817	163.210.059.562

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:


Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Quốc Thành
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang (“Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 2 tháng 11 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân (“UBND”) tỉnh Thừa Thiên Huế, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình như mua bán hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc như kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu như kinh doanh dịch vụ Karaoke;
- Điều hành tour du lịch như kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 206 nhân viên (1/1/2017: 214 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 2 công ty con (1/1/2017: 2 công ty con) và 7 công ty liên kết, liên doanh (1/1/2017: 6 công ty) như trình bày tại Thuyết minh 16.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin toàn diện về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản ước tính chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-------------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận tải | 5 – 15 năm |
| ▪ thiết bị và dụng cụ quản lý | 5 – 7 năm |

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được xác định bằng 10% trên tổng giá trị thực tế doanh nghiệp tại ngày xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Phí cải tạo tài sản

Phí cải tạo tài sản được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Dịch vụ cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan

Doanh thu cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan được ghi nhận khi khách hàng sử dụng các dịch vụ này.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí lãi vay thì khi đó chi phí lãi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Ngành du lịch Việt Nam chủ yếu chịu ảnh hưởng bởi các kỳ nghỉ chủ yếu là trong sáu tháng đầu năm như lễ năm mới và Tết. Do đó doanh thu của Công ty trong 6 tháng đầu năm thường cao hơn 6 tháng cuối năm.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ trước.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Đầu tư vào một công ty liên kết

Tại ngày 1 tháng 6 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành, một công ty liên kết, thông qua việc bàn giao tài sản góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 42/2014/HDHTĐT/Bitexco-HuongGiang, ngày 18 tháng 12 năm 2014 và biên bản bàn giao ngày 1 tháng 6 năm 2017. Theo đó, tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày 1 tháng 6 năm 2017 đã tăng hoặc giảm tại ngày góp vốn như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm góp vốn VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.000.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15)	2.161.118.100
	17.161.118.100
Tài sản thuần góp vốn có thể xác định được	17.161.118.100
Tiền thuần chi ra để góp vốn	(15.000.000.000)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	309.601.356	108.981.982
Tiền gửi ngân hàng	140.867.472.576	136.276.028.190
Tiền đang chuyển	7.381.785	-
Các khoản tương đương tiền	1.026.121.100	1.003.666.667
	142.210.576.817	137.388.676.839

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm 131.8 tỷ VND (1/1/2017: 131.8 tỷ VND) bị hạn chế sử dụng theo Công văn số 1398/STC-TCĐN, ngày 26/5/2016 của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, Công ty nhận hộ khoản tiền mua 62,9% cổ phần của Công ty từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco và sẽ chi trả lại cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An	717.110.038	717.110.038
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	12.600.000	1.337.400
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	8.440.000	3.400.000
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	2.705.000	-
Các khách hàng khác	1.445.618.842	870.630.794
	<hr/>	<hr/>
	2.186.473.880	1.592.478.232

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang		
- công ty con	12.600.000	1.337.400
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco - nhà đầu tư	8.440.000	3.400.000
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An – công ty con	2.705.000	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

9. Khoản cho vay phải thu

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco – nhà đầu tư	15.000.000.000	46.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Khoản cho vay phải thu từ nhà đầu tư không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 9% và sẽ đáo hạn trong tháng 12 năm 2017. Lãi cho vay được nhận vào ngày đáo hạn của khoản vay.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức phải thu	6.050.352.585	6.050.352.585
Ứng tiền mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	4.500.000.000	-
Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	1.250.500.000	-
Tạm ứng	1.226.121.925	1.110.000.000
Phải thu từ dự án tiếp nhận Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	933.690.527	1.895.128.210
Phải thu từ công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang - công ty con	449.863.339	486.959.339
Phải thu từ chi hộ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	298.897.338
Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt nộp hộ VIP Club	220.639.373	220.639.373
Phải thu từ chi hộ công ty Du lịch Cổ đô	-	229.000.000
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	275.591.912	281.178.432
Phải thu khác	364.519.218	498.440.426
	15.570.176.217	11.070.595.703

Khoản phải thu phi thương mại từ công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu từ công ty Cổ phần Văn Hóa Đất Việt (*)	4.948.817.680	4.948.817.680

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản ứng trước cho nhà thầu thi công hạng mục Thiên Đường Trần Nhân Tông (nay là Thiên Viện Hương Vân) thuộc dự án Trung Tâm Văn hóa Huyện Trần. Năm 2011, Công ty đã bàn giao sang cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Huyện Trần) để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các nhà thầu này. Do việc bàn giao công trình chưa hoàn thành nên Công ty tiếp tục theo dõi là khoản phải thu từ Công ty Văn hóa Đất Việt.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2017		1/1/2017					
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn từ:								
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thuận An	>1.080	717.110.038	(717.110.038)	-	>1.080	717.110.038	(717.110.038)	-
Khác	>360	46.268.670	(46.268.670)	-	>360	46.268.670	(46.268.670)	-
		<u>763.378.708</u>	<u>(763.378.708)</u>	<u>-</u>		<u>763.378.708</u>	<u>(763.378.708)</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	245.598.138	-	277.006.655	-
Hàng hóa	262.865.487	-	283.459.598	-
	<hr/>		<hr/>	
	508.463.625	-	560.466.253	-
	<hr/>		<hr/>	

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	59.312.103.476	11.163.690.675	7.809.440.833	804.141.644	79.089.376.628
Tăng trong kỳ	-	-	244.907.273	-	244.907.273
Số dư cuối kỳ	59.312.103.476	11.163.690.675	8.054.348.106	804.141.644	79.334.283.901
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	33.112.224.306	9.297.613.974	2.605.366.207	719.487.465	45.734.691.952
Khấu hao trong kỳ	1.338.852.157	361.891.716	281.574.411	12.139.638	1.994.457.922
Số dư cuối kỳ	34.451.076.463	9.659.505.690	2.886.940.618	731.627.103	47.729.149.874
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	26.199.879.170	1.866.076.701	5.204.074.626	84.654.179	33.354.684.676
Số dư cuối kỳ	24.861.027.013	1.504.184.985	5.167.407.488	72.514.541	31.605.134.027

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 10.521 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 17.251 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	281.633.087	281.633.087
Khấu hao trong kỳ	-	3.196.721	3.196.721
Số dư cuối kỳ	-	284.829.808	284.829.808
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	999.000.000	27.704.913	1.026.704.913
Số dư cuối kỳ	999.000.000	24.508.192	1.023.508.192

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	2.332.381.063	2.107.820.972
Tăng trong kỳ	4.978.513.956	204.557.728
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 6)	(2.161.118.100)	-
Số dư cuối kỳ	5.149.776.919	2.312.378.700
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án cải tạo Khách sạn Hương Giang	5.055.663.283	-
Dự án khách sạn 91 Hàn Thuyên	-	2.161.118.100
Các dự án khác	94.113.636	171.262.963
	5.149.776.919	2.332.381.063

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2017		1/1/2017	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào các công ty con				
▪ Công ty TNHH Lữ Hành Hương Giang (a)	100,0%	100,0%	11.643.211.488	-
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An (b)	91,4%	91,4%	16.632.000.000	(5.640.135.709)
			<u>28.275.211.488</u>	<u>(5.640.135.709)</u>
Đầu tư vào các công ty liên kết				
▪ Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô (c)	40,0%	40,0%	6.239.210.372	(2.758.980.415)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Huế (d)	20,0%	20,0%	1.200.000.000	(1.200.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phước (e)	31,3%	31,3%	940.000.000	-
			<u>8.379.210.372</u>	<u>(3.958.980.415)</u>
			<u>28.275.211.488</u>	<u>(5.640.135.709)</u>
			6.239.210.372	(2.514.579.845)
			1.200.000.000	(1.200.000.000)
			940.000.000	-
			<u>8.379.210.372</u>	<u>(3.714.579.845)</u>

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2017		1/1/2017	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào các công ty liên doanh				
• Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế (f)	50,0%	50,0%	50.720.625.000	-
• Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật (g)	50,0%	50,0%	2.556.000.000	(2.556.000.000)
• Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành (h)	49,0%	49,0%	30.301.220.250	-
• Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành (i)	35,0%	35,0%	17.161.118.100	-
			100.738.963.350	(2.556.000.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			109.118.173.722	(6.514.980.415)
Đầu tư vào đơn vị khác				
• Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du Lịch Thuận An	12,0%	12,0%	3.000.000.000	(3.000.000.000)
			140.393.385.210	(15.155.116.124)
			83.577.845.250	(2.556.000.000)
			91.957.055.622	(6.270.579.845)
			3.000.000.000	(3.000.000.000)
			123.232.267.110	(14.910.715.554)

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Công ty TNHH Lữ Hành Hương Giang được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300383045, ngày 16/09/2005. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh du lịch và đại lý vé máy bay.
- (b) Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300422992, ngày 31/10/2006. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh du lịch và khách sạn.
- (c) Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300384264, ngày 04/01/2006. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn, dịch vụ, nhà hàng và du lịch.
- (d) Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch Huế được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000005, ngày 22/06/2000. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thể thao và khu vui chơi giải trí.
- (e) Công ty cổ phần du lịch Thiên Phúc được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 311032000011, ngày 25/07/2007. Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt.
- (f) Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100000, ngày 18/10/2004. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.
- (g) Công ty TNHH Dịch vụ du lịch và nhà hàng Việt Nhật được thành lập theo giấy phép đầu tư số 2294/GP, ngày 25/12/2002. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh nhà hàng, đồ lưu niệm, dịch vụ du lịch và khách sạn.
- (h) Công Ty TNHH Khách sạn Kinh Thành được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300355898, ngày 29/06/2011. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.
- (i) Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3301559816, ngày 25/05/2017. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Xem Thuyết minh 31 trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	14.910.715.554	6.756.000.000
Phát sinh trong kỳ	244.400.570	7.404.093.232
Số dư cuối kỳ	15.155.116.124	14.160.093.232

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa (*) VND	Công cụ và dụng cụ VND	Phí cải tạo tài sản VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	3.199.233.675	5.388.215.263	2.655.921.584	3.038.287.267	14.281.657.789
Tăng trong kỳ	-	276.431.455	344.807.181	591.259.484	1.212.498.120
Phân bổ trong kỳ	(1.599.616.837)	(968.326.290)	(440.030.328)	(629.739.002)	(3.637.712.457)
Số dư cuối kỳ	1.599.616.838	4.696.320.428	2.560.698.437	2.999.807.749	11.856.443.452

(*) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa phát sinh từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước – Công ty Du lịch Hương Giang (sau này là Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang). Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa dựa trên biên bản định giá ngày 31 tháng 8 năm 2006 do Cục Quản lý Công sản – Bộ Tài chính phát hành và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán

	30/6/2017	1/1/2017
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Công ty TNHH Giặt là Bình Minh	142.599.087	76.967.766
Doanh nghiệp Tư nhân Thành Mai	125.509.265	-
Công ty TNHH Không Gian Độc Đáo	62.945.500	145.686.500
Các nhà cung cấp khác	633.368.893	1.161.238.356
	<hr/>	<hr/>
Số có khả năng trả nợ	964.422.745	1.383.892.622

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017	Số phải nộp trong	Số đã nộp/cán trừ	30/6/2017
	VND	kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	191.279.652	2.471.717.470	(2.498.955.592)	164.041.530
Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.320.974	66.028.292	(64.053.098)	11.296.168
Thuế thu nhập cá nhân	23.775.850	150.685.867	(156.010.530)	18.451.187
Thuế nhà đất	-	2.521.576.675	(2.499.962.551)	21.614.124
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	224.376.476	5.210.008.304	(5.218.981.771)	215.403.009

20. Phải trả khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải trả cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	131.803.317.076	131.888.422.006
Thu hồi vốn góp tại công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang chờ quyết toán	518.052.851	518.052.851
Lãi tiền gửi phải trả các cổ đông	-	885.855.550
Phải trả Cục Sở hữu Trí tuệ	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	848.432.361	1.075.079.279
	<hr/>	<hr/>
	133.169.802.288	134.472.409.686

(*) Trong tháng 3 năm 2016, Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco đã mua lại 62,9% số vốn cổ phần của Công ty từ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 624/QĐ-UBND, ngày 30/03/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, Công ty nhận hộ khoản tiền mua cổ phần này từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco và sẽ chi trả lại cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	200.000.000.000	47.223.517.700	(11.404.415.192)	235.819.102.508
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(10.163.473.191)	(10.163.473.191)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	200.000.000.000	47.223.517.700	(21.567.888.383)	225.655.629.317
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	200.000.000.000	47.223.517.700	(25.410.464.166)	221.813.053.534
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(2.350.350.220)	(2.350.350.220)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	200.000.000.000	47.223.517.700	(27.760.814.386)	219.462.703.314

22. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	47.223.517.700	-	47.223.517.700

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	4.928.222.217	5.185.291.890
Trong vòng 2 đến năm 5	18.391.310.530	18.475.110.429
Sau 5 năm	54.764.544.566	57.016.320.939
	<hr/>	<hr/>
	78.084.077.313	80.676.723.258
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	8.211	190.479.008	6.372	144.727.428
EUR	480	11.332.612	486	11.466.504
		<hr/>		<hr/>
		201.811.620		156.193.932
		<hr/>		<hr/>

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
Cho thuê phòng khách sạn và bán vé tham quan	12.454.743.144	11.720.458.671
Dịch vụ và doanh thu khác	9.534.980.524	14.411.751.554
Doanh thu thuần	21.989.723.668	26.132.210.225

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Điều chỉnh lại
Cho thuê và bán vé tham quan	8.279.674.679	7.738.520.578
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	8.439.677.925	14.356.224.125
	16.719.352.604	22.094.744.703

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.558.994.744	843.591.181
Thu nhập từ cổ tức	-	1.500.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.978.926	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	53.255.857
	1.572.973.670	2.396.847.038

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	244.400.570	7.404.093.232
Chi phí lãi vay	-	198.215.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.042.026	522.490
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	52.446.458
	253.442.596	7.655.277.796

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Điều chỉnh lại
Chi phí nhân công	4.791.922.979	4.145.023.622
Phân bổ lợi thế thương mại từ cổ phần hóa	1.599.616.837	1.568.725.542
Chi phí công cụ dụng cụ	324.167.455	-
Chi phí nguyên liệu	225.371.560	272.342.900
Chi phí khấu hao	176.355.683	117.273.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.092.412	657.803.351
Thuế, phí và lệ phí	-	10.536.616
Chi phí khác	1.712.887.035	1.890.399.925
	8.948.413.961	8.662.105.739

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.209.536.784	7.268.786.635
Chi phí nhân công	9.975.675.009	12.535.638.261
Chi phí khấu hao	1.997.654.643	2.282.337.257
Phân bổ lợi thế thương mại từ cổ phần hóa	1.599.616.837	1.568.725.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.644.777.238	3.206.517.931
Chi phí khác	5.164.042.741	4.091.592.785
	<hr/>	<hr/>

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lỗi kế toán trước thuế	(2.350.350.220)	(10.163.473.191)
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(470.070.044)	(2.032.694.638)
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	45.959.004
Thu nhập không bị tính thuế	-	(300.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	(470.070.044)	(2.286.735.634)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	470.070.044	2.286.735.634
	<hr/>	<hr/>
	-	-
	<hr/>	<hr/>

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 20%).

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	41.368.494.012	8.273.698.802	39.018.143.789	7.803.628.758

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2019	Chưa quyết toán	8.786.595.056
2020	Chưa quyết toán	11.260.170.085
2021	Chưa quyết toán	18.971.378.651
2022	Chưa quyết toán	2.350.350.220
		41.368.494.012

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch lớn như sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Cổ đông		
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco		
Thu hồi nợ vay	31.000.000.000	-
Lãi cho vay	1.489.000.000	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.047.000	-
Cho vay	-	33.000.000.000
Nhận chi trả hộ	-	158.423.559.521
Các công ty con		
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang		
Mua hàng và dịch vụ	211.450.600	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.194.800	401.079.008
Góp vốn	-	8.043.211.488
Nhận tiền vay	-	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An		
Chuyển giao chi phí xây dựng cơ bản dở dang	186.392.550	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.705.000	-
Nhận tiền vay	-	4.000.000.000
Thành viên Hội đồng quản trị		
và Ban Tổng Giám đốc		
Lương và phụ cấp	532.717.900	486.751.000

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Điều chỉnh lại báo cáo tài chính năm 2016

Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phát hiện một vài sai sót liên quan đến việc phân loại các chi phí hoạt động khách sạn trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót này cho số liệu so sánh của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	
	VND (điều chỉnh lại)	VND (theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	22.094.744.703	20.679.632.103
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.662.105.739	10.077.218.339

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:


Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Quốc Thành
Tổng Giám đốc